

BẢNG GIÁ SỐ 8
PHỤ LỤC SỐ 4
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN HOÀI NHƠN
(Kèm theo Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
A	GIÁ ĐẤT Ở TẠI CÁC THỊ TRẤN			
I	GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ TRẤN BỒNG SƠN			
1	Bạch Đằng	- Từ đường Quang Trung đến ngã 3 nhà ông Lâm (hết nhà ông Lâm)	900	900
		- Từ ngã 3 nhà ông Lâm đến ngã 4 đường Bạch Đằng 1 (Đê Bao)	800	800
		- Từ ngã 4 đường Bạch Đằng 1 đến giáp đường Đê bao (nhà bà Hiền)	700	800
2	Hai Bà Trưng	- Từ đường Quang Trung đến ngã 4 Trần Hưng Đạo	2,700	2,700
		- Từ ngã 4 Trần Hưng Đạo đến hết đường	2,250	2,250
3	Nguyễn Trần	- Trộn đường	1,800	2,700
4	QL1A mới thuộc thị trấn Bồng Sơn	- Từ Bắc Cầu Bồng Sơn đến ngã 3 đường vào Cụm công nghiệp Bồng Sơn	2,700	2,700
		- Đoạn còn lại	1,600	1,600
5	Trần Hưng Đạo	- Từ ngã 3 đường Quang Trung đến giáp ngã 4 đường Hai Bà Trưng	4,500	4,500
		- Từ ngã 4 Hai Bà Trưng đến giáp ngã 4 đèn đỏ Quốc lộ 1A mới	4,000	4,000
		- Từ Quốc lộ 1A mới đến giáp đường vào công phụ Cụm công nghiệp Bồng Sơn và hết thổ cư ông Trần Hoàng Phước	2,000	2,000
		- Đoạn còn lại đến hết địa phận Bồng Sơn	1,000	1,000

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
6	Trần Phú	- Từ đường Quang Trung đến giáp ngã 3 đường bê tông xi măng sau sân vận động và đường hẻm nhà ông Mai	3,000	3,000
		- Từ ngã 3 đường bê tông xi măng sau sân vận động và đường hẻm nhà ông Mai đến giáp đường Quốc lộ 1A mới	2,400	2,400
		- Từ Quốc lộ 1A mới đến ngã 3 nhà ông Mỹ	900	900
7	Trần Quang Diệu	- Trộn đường	1,900	2,500
8	Tăng Bạt Hổ	- Từ Trần Phú đến giáp ngã 4 đường Trần Hưng Đạo	2,100	2,700
		- Từ đường Trần Hưng Đạo đến hết đường (đường Trục chính khu Tây Bắc chợ)	2,700	3,500
9	Các đường ngang trong khu Tây Bắc chợ			3,000
10	Đường Khởi Thiết Đỉnh Nam - Bắc ven Bàu Rong	- Từ giáp Trần Hưng Đạo đến giáp đường vào Cụm công nghiệp Bồng Sơn	1,100	1,100
		- Từ đường vào Cụm công nghiệp Bồng Sơn đến hết nhà ông Mỹ	800	800
11	Đường khởi Thiết Đỉnh Nam-Bắc: từ đỉnh dốc Bà Đội đến ngã tư dốc Cần	- Từ đỉnh dốc bà Đội đến ngã 5 nhà ông Lành (dốc đá Trãi)	800	800
		- Từ ngã 5 nhà ông Lành (dốc đá Trãi) đến ngã 4 dốc Cần	450	600
12	Đường bê tông xi măng từ ngã 5 chân đá Trãi đến giáp ngã 4 nhà Tin			600
13	Đường bê tông xi măng từ Quốc lộ 1A mới (khởi Thiết Đỉnh Bắc) giáp nhà ông Sự và nhà máy Tôn Hoa Sen	- Đoạn giáp Quốc lộ 1A mới đến hết thửa đất bà Nguyễn Thị Nhơn và Nguyễn Thị Kiều	1,000	1,000
		- Đoạn còn lại của đường có bê tông	700	700
14	Đường bê tông xi măng Trung Lương từ nhà ông Phi đến giáp đường Bạch Đằng (đường mới)		500	600

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
15	Đường vào Cụm công nghiệp Bồng Sơn		1,350	1,350
16	Đường bê tông xi măng khối Liêm Bình từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Hạnh) đến giáp đường Biên Cương		800	800
17	Đường bê tông xi măng khối Thiết Đính Bắc từ nhà ông Ngọt đến nhà ông Chấn		450	450
18	Đường bê tông xi măng khối 5 từ đường Trần Phú (nhà bà Hồng) đến hết nhà ông Ân		800	800
19	Đường bê tông xi măng từ đường Quang Trung (Tin Lành) đến giáp đường Tăng Bạt Hổ (khu Tây Bắc chợ)		1,800	2,000
20	Đường bê tông xi măng nối Bạch Đằng 1 đến hết nhà ông Đỗ Minh Hùng (trường tiểu học cũ)		1,900	1,900
21	Từ nhà ông Đỗ Minh Hùng đến giáp đường Biên Cương (đập Lại Giang)		1,900	1,500
22	Đường bê tông xi măng từ Đào Duy Từ (đối diện trụ sở khối 1) đến giáp bờ kè		720	720
23	Đường bê tông xi măng từ ngã 4 nhà Tin đến nhà ông Chấn (dốc Lò)		540	600
24	Đường bê tông xi măng từ Miếu Thần Nông đến ven Bàu Rong		540	600
25	Các tuyến đường trong khu hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng	- Tuyến đường T8	3,000	3,500
		- Các tuyến đường còn lại	2,500	3,000
26	Đường bê tông xi măng từ Trần Phú đến Hai Bà Trưng (phía sau sân vận động)			1,500
27	Đường bê tông xi măng nối đường phía sau sân vận động đến cổng sau sân vận động Bồng Sơn			1,000
28	Đường bê tông xi măng khối 5 từ nhà ông Hưng đến nhà ông Tuấn			700
29	Đường bê tông xi măng khối 5 từ nhà bà Đồng đến nhà bà Phụng			700
30	Đường bê tông xi măng khối Liêm Bình từ nhà ông Khương đến đường Lại Giang			600

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
31	Đường bê tông xi măng khối Phụ Đức từ trụ sở đến Trường mẫu giáo Bồng Sơn			1,200
II	GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ TRẤN TAM QUAN			
1	Đường 26/3	- Trọn đường	2,700	3,000
2	Trần Phú	- Từ Cổng ông Tài đến giáp ngã 4 Hai Bà Trưng	3,600	3,600
		- Từ ngã 4 Hai Bà Trưng đến hết Trường trung học cơ sở Tam Quan	4,100	4,100
		- Từ Trường THCS Tam Quan đến ngã 4 đường 26/3	3,600	3,600
		- Từ ngã 4 đường 26/3 đến hết nhà ông Ngô Tường	3,600	3,200
III	GIÁ ĐẤT Ở THUỘC TUYẾN QUỐC LỘ 1A MỚI			
1	Địa phận thị trấn Tam Quan và xã Hoài Châu Bắc	- Từ giáp đường Trần Phú (từ hết nhà ông Ngô Tường) đến hết khu tái định cư số 1 thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc	2,500	2,500
		- Từ hết khu tái định cư số 1 thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc đến giáp tỉnh Quảng Ngãi	1,000	1,000
IV	GIÁ ĐẤT Ở CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ			
1	Tuyến An Dinh - Cửu Lợi (Tam Quan Nam)	- Từ ngã 3 Cầu ông Nhành đến ngã 3 nhà ông Miên	450	430
		- Từ ngã 3 nhà ông Miên đến giáp đường Thái Lợi (Cầu Cộng Hòa)	430	450
2	Tuyến đường xã Tam Quan Bắc			
	- Đoạn từ giáp đường nhựa (nhà ông Nguyễn Sự) đến hết nhà ông Huỳnh Thạch thôn Thiện Chánh 1		750	950
	- Đoạn từ giáp đường ĐT639 (Cầu Thiện Chánh) đến cuối đường bê tông (nhà ông Đỗ Khôi, thôn Tân Thành 2)		500	750
	- Đoạn từ giáp đường bê tông (đất ông Phận thôn Trường Xuân Tây) đến giáp sông Thiện Chánh		400	600

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
	- Đoạn từ giáp đường bê tông (nhà ông Nguyễn Văn Cước, thôn Tân Thành 2) đến giáp đường nhựa (Trường Tiểu học cũ)		280	330
	- Đoạn từ cuối đường bê tông (nhà bà Nguyễn Thị Tỷ, thôn Tân Thành) đến giáp nhà ông Võ Chính thôn Tân Thành		210	280
	- Đoạn từ ngã 3 (đường bê tông đi xóm 2, thôn Đình Thạnh) đến Bến đò cũ (thôn Tân Thành 2)		310	380
	- Đoạn từ giáp đường nhựa (Cầu Nghi Trăn) đến cuối đường bê tông (Công bà Trà thôn Tân Thành 1)		270	350
	- Đoạn từ giáp đường bê tông (nhà ông Đặng Mãi, thôn Tân Thành 1) đến giáp ngã 3 (nhà ông Đặng Minh Thành, thôn Tân Thành 1)		250	310
	- Đoạn từ ngã 3 (nhà ông La Văn Muôn, thôn Tân Thành 2) đến hết thổ cư ông Nguyễn Phương			280
	- Từ ngã 3 (nhà ông Lê Xuân Cương, thôn Công Thạnh) đến ngã 3 (đất ông Mai Văn Đức)			210
	- Tất cả các vị trí còn lại		190	200
3	Tuyến đường xã Hoài Đức	- Từ cầu đường sắt Diên Khánh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Anh (Diễn Khánh)		600
4	Tuyến đường xã Hoài Hảo			
	- Từ giáp đường số 3 (nhà ông Nhứt) đến giáp đường 2 (nhà ông Thân) thuộc thôn Tân Thạnh 1		240	280
	- Từ trụ sở thôn Phụng Du 1 đến cổng nhà ông Nam thuộc thôn Phụng Du 1		240	300
	- Từ nhà Thạch đến nhà Nhiên thuộc thôn Tân Thạnh 2			210
	- Từ giáp Quốc lộ 1A (Doanh nghiệp Nhon) đến giáp đường 3 (nhà bà Hường) thuộc thôn Tân Thạnh 2			600
	- Từ giáp đường 3 (nhà bà Dung) đến giáp đường Gia Long (nhà ông Nang) thuộc thôn Tân Thạnh 2			240
	- Từ giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Sửu) đến giáp đường 3 (nhà bà Ngự) thuộc thôn Tân Thạnh 2			240

STT	Tên đường, Khu vực	Từ đoạn...đến đoạn...	Giá đất năm 2015 (QĐ số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)	Giá đất điều chỉnh, bổ sung năm 2017
	-	Từ nhà ông Hùng thôn Tấn Thạnh 2 đến hết nương nhà ông Sỏi thôn Phụng Du 2		210
	-	Từ giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Luyện) đến giáp nương nhà ông Sỏi thuộc thôn Phụng Du 2		300
	-	Tuyến đường gom đường sắt thôn Phụng Du 2		210
	-	Từ giáp Quốc lộ 1A (nhà bà Huyền) đến nhà ông Tân thuộc thôn Phụng Du 2		240
	-	Từ giáp Quốc lộ 1A (quán bà Cù) đến nhà ông Khanh thuộc thôn Phụng Du 2		210
	-	Từ nhà ông Học đến nhà bà Hồng thuộc thôn Tấn Thạnh 1		300
	-	Từ nhà ông Nguyễn Dục đến nhà ông Lê Trình thuộc thôn Tấn Thạnh 1		300
	-	Từ nhà ông Nguyễn Định đến Cầu Đập Ân thuộc thôn Tấn Thạnh 1		210
	-	Từ quán Niên đến địa cùc thuộc thôn Hội Phú		210
	-	Từ nhà Nhíp đến nhà ông Hai thuộc thôn Hội Phú		210
	-	Từ công làng văn hóa thôn Hội Phú đến nhà ông Hai thuộc thôn Hội Phú		210
	-	Từ giáp đường Tây tỉnh (nhà ông Chung) đến cầu nhà Lờ thuộc thôn Hội Phú		210
	-	Từ giáp đường Tây tỉnh (nhà ông Phương) đến Trường mẫu giáo Sơn Cây thuộc thôn Hội Phú		210
	-	Từ giáp đường 2 (nhà ông Tài) đến nhà bà Loan thuộc thôn Phụng Du 1		210
	-	Từ nhà bà Thanh xóm Hòa Bình đến hết nhà ông Huỳnh Công thôn Cự Lễ		240
	-	Từ nhà ông Dưỡng đến nhà ông Chấn thuộc thôn Tấn Thạnh 1		210